

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 01 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN VÕ NHAİ

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Chu Văn An	1	45	6.5	Sáu rưỡi	
2	Lương Thị Tú Anh	2	35	8.0	Tám	
3	Hà Thị Ngọc Ánh	3	05	8.0	Tám	
4	Lê Thị Bình	4	51	7.5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Văn Bình	5	57	6.5	Sáu rưỡi	
6	Nguyễn Văn Cảnh	6	77	6.5	Sáu rưỡi	
7	Triệu Trung Cao	7	74	7.0	Bảy	
8	Nông Văn Chí	8	-	-	-	Nghỉ học
9	Nguyễn Văn Chiến	9	06	7.5	Bảy rưỡi	
10	Lường Văn Chuyên	10	64	7.0	Bảy	
11	Hoàng Văn Diện	11	28	7.0	Bảy	
12	Hồ Thị Thu Dung	12	16	7.5	Bảy rưỡi	
13	Đặng Tiến Dũng	13	34	7.5	Bảy rưỡi	
14	Ma Văn Dư	14	68	7.0	Bảy	
15	Vũ Thị Thùy Dương	15	02	7.5	Bảy rưỡi	
16	Vi Xuân Đại	16	62	8.0	Tám	
17	Hà Đình Đáng	17	76	7.0	Bảy	
18	Triệu Văn Đức	18	70	6.5	Sáu rưỡi	
19	Lý Việt Đức	19	24	7.0	Bảy	
20	Vương Thị Giang	20	27	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
21	Lê Thị Hương Giang	21	46	8.0	Tám	
22	Linh Hải Hà	22	55	6.5	Sáu rưỡi	
23	Nguyễn Thị Hà	23	22	7.5	Bảy rưỡi	
24	Hà Thanh Hải	24	13	7.5	Bảy rưỡi	
25	Nông Thị Hạnh	25	38	7.5	Bảy rưỡi	
26	Hoàng Văn Hào	26	63	7.0	Bảy	
27	Lường Văn Hào	27	73	6.5	Sáu rưỡi	
28	Lộc Trung Hiếu	28	36	7.5	Bảy rưỡi	
29	Đàm Văn Hoàng	29	20	7.5	Bảy rưỡi	
30	Vũ Đức Hợp	30	29	7.0	Bảy	
31	Triệu Văn Hùng	31	52	7.0	Bảy	
32	Đỗ Duy Hùng	32	42	8.0	Tám	
33	Hà Duy Hưng	33	75	7.0	Bảy	
34	Lê Thị Mai Hương	34	60	8.0	Tám	
35	Đoàn Thị Lan Hương	35	11	7.5	Bảy rưỡi	
36	Triệu Thị Hường	36	04	7.5	Bảy rưỡi	
37	Lăng Quốc Huy	37	43	7.5	Bảy rưỡi	
38	Trịnh Thu Huyền	38	01	8.0	Tám	
39	Dương Bảo Khánh	39	54	8.0	Tám	
40	Nông Văn Khê	40	71	6.5	Sáu rưỡi	
41	Trịnh Thị Lệ	41	26	7.5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Xuân Liên	42	25	7.5	Bảy rưỡi	
43	Lê Thảo Linh	43	69	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Thị Loan	44	18	8.0	Tám	
45	Triệu Thị Huyền Lương	45	30	7.5	Bảy rưỡi	
46	Lường Khánh Ly	46	21	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Văn Minh	47	56	7.5	Bảy rưỡi	
48	Hứa Văn Ngộ	48	61	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
49	Đặng Minh Ngọc	49	59	7.0	Bảy	
50	Hoàng Thế Nhân	50	40	8.0	Tám	
51	Hoàng Trường Phi	51	39	7.5	Bảy rưỡi	
52	Trần Văn Quân	52	23	7.0	Bảy	
53	Ma Thị Quyên	53	10	7.5	Bảy rưỡi	
54	Hà Văn Sơn	54	72	6.5	Sáu rưỡi	
55	Vũ Thị Tắm	55	07	7.5	Bảy rưỡi	
56	Đặng Văn Thắng	56	53	8.0	Tám	
57	Lê Quyết Thắng	57	47	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Văn Thêm	58	33	7.0	Bảy	
59	Luân Đình Thìn	59	12	7.5	Bảy rưỡi	
60	Hoàng Đức Thọ	60	37	7.5	Bảy rưỡi	
61	Nguyễn Công Thông	61	32	7.5	Bảy rưỡi	
62	Đàm Trung Thơm	62	66	7.0	Bảy	
63	Lương Viết Thuận	63	03	7.0	Bảy	
64	Triệu Hữu Thuận	64	58	7.0	Bảy	
65	Nông Cảnh Thức	65	65	8.0	Tám	
66	Hoàng Thị Thương	66	50	7.5	Bảy rưỡi	
67	Phùng Thị Thương	67	17	7.5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thị Thu Thủy	68	09	8.0	Tám	
69	Lý Thị Thủy	69	08	8.0	Tám	
70	Triệu Sinh Tiến	70	41	7.0	Bảy	
71	Hoàng Thị Trang	71	31	7.5	Bảy rưỡi	
72	Hà Thị Kiều Trang	72	14	8.0	Tám	
73	Chu Đức Trường	73	19	7.0	Bảy	
74	Nông Văn Tú	74	49	8.0	Tám	
75	Dương Mạnh Tuấn	75	15	7.5	Bảy rưỡi	
76	Ma Văn Vệ	76	67	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
77	Bế Văn Việt	77	44	7.5	<i>Bảy rưỡi</i>	
78	Hoàng Thị Xuân	78	48	8.0	<i>Tám</i>	

**PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Phúc Ái

**KHOA DÂN VĂN
TRƯỞNG KHOA**

Đàm Thị Hạnh

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

